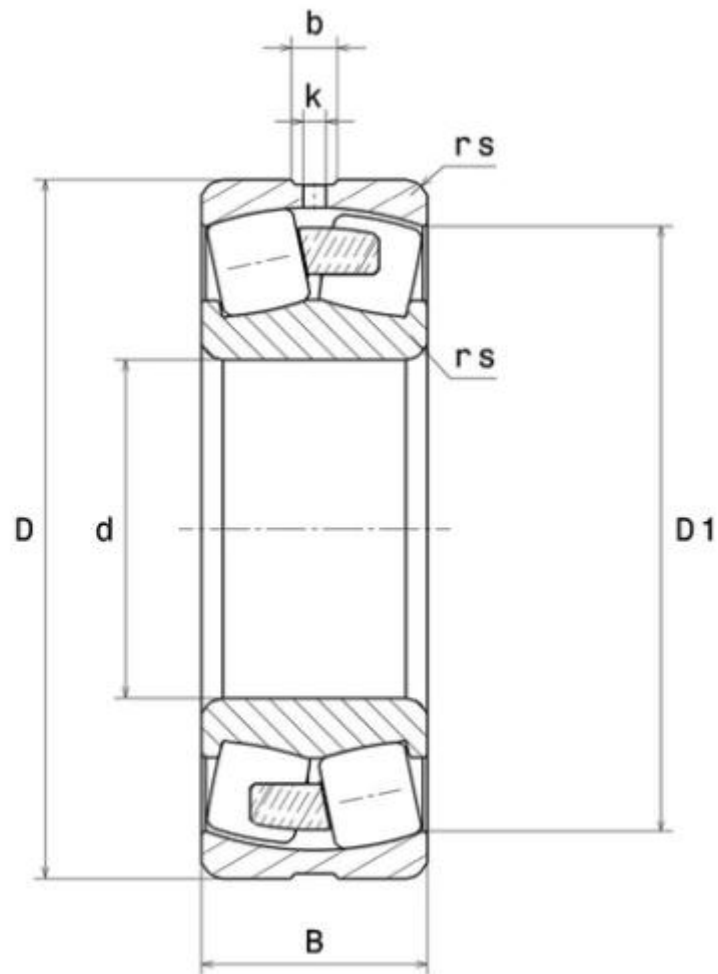


## Vòng bi NTN 2232EAW33C4



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                        |          |
|----------------------------------------|----------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất            | NTN      |
| d - Đường kính lỗ trục                 | 160 mm   |
| D - Đường kính ngoài                   | 290 mm   |
| B - Chiều rộng                         | 80 mm    |
| d2 - Đường kính gờ của vòng trong      | 190 mm   |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 258,7 mm |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu       | 3 mm     |

|                                  |          |
|----------------------------------|----------|
| Số lượng lỗ bôi trơn             | 3        |
| b - Chiều rộng của rãnh bôi trơn | 16,94 mm |
| k - Đường kính của lỗ bôi trơn   | 8 mm     |
| Khe hở vòng bi                   | C4       |
| Trọng lượng                      | 23 kg    |

#### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 1220 kN     |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 1390 kN     |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 132 kN      |
| e - Trị số giới hạn                  | 0.25        |
| Y0 - Hệ số tải trọng trục tĩnh       | 2.63        |
| Y1 - Hệ số tải trọng trục thấp hơn   | 2.69        |
| Y2 - Hệ số tải trọng trục trên       | 4           |
| N ref - Tốc độ nhiệt tham chiếu      | 2000 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn cơ học       | 2800 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -40 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 200 °C      |

#### GIỚI HẠN

|                                             |        |
|---------------------------------------------|--------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 174 mm |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 276 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 2,5 mm |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor